Kg: P. ĐBCLượng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

Số: 299 /QĐ-ĐHCNGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ của sinh viên đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐT ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo đại học hiện hành của Trường;

Căn cứ đề xuất của Hội đồng Khoa học- Đào tạo của Trường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ của sinh viên đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây, trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc Phân hiệu, giám đốc các cơ sở đào tạo, giám đốc các trung tâm, trưởng các phòng, trưởng các khoa, trưởng các bộ môn và các đơn vị có liên quan, giảng viên, sinh viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để c/đ);
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ của sinh viên đại học chính quy tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 299 /QĐ-ĐHCNGTVT ngày 18 tháng 1 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định trình độ ngoại ngữ (TĐNN) tối thiểu mà sinh viên cần phải đạt được trước khi tốt nghiệp; các trường hợp được công nhận chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ (CĐR TĐNN) đối với sinh viên Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

2. Quy định này được áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy từ năm học 2020-2021 (bao gồm cả sinh viên đại học hệ chính quy liên thông).

3. Quy định này không áp dụng đối với sinh viên đào tạo văn bằng 2, học viên hệ Vừa làm vừa học và các đối tượng lưu học sinh nước ngoài theo học tại Trường.

Điều 2. Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ

1. CĐR TĐNN của sinh viên Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải là yêu cầu tối thiểu về khả năng sử dụng tiếng nước ngoài của sinh viên trong học tập và làm việc, được Nhà trường cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo chất lượng khác.

2. CĐR TĐNN là điều kiện bắt buộc khi xét công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên. Tại thời điểm xét tốt nghiệp, nếu sinh viên chưa đạt CĐR TĐNN sẽ không được công nhận tốt nghiệp.

3. CĐR TĐNN quy định đối với các chương trình đào tạo của Trường như sau:

a) Sinh viên theo học các chương trình đại trà, tốt nghiệp đại học phải đạt TĐNN tối thiểu bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (cấp độ B1), tương đương 450 điểm TOEIC (Phụ lục 1, Phụ lục 2);

b) Sinh viên theo học các chương trình đào tạo song ngữ, tốt nghiệp đại học phải đạt TĐNN tối thiểu bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (cấp độ B2), tương đương 600 điểm TOEIC (Phụ lục 1, Phụ lục 2);

c) Sinh viên theo học các chương trình liên kết đào tạo quốc tế phải đạt CĐR TĐNN theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Các trường hợp được công nhận chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ

1. Sinh viên có kết quả thi đánh giá trình độ tiếng Anh nội bộ của Trường Đại học Công nghệ GTVT theo dạng chuẩn TOEIC đạt từ 450 điểm trở lên.

2. Sinh viên có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ hệ chính quy chuyên ngành tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn, Tây Ban Nha, Ả Rập hoặc bằng tốt nghiệp đại học theo chương trình đào tạo bằng một trong các thứ tiếng nêu trên do các trường đại học có uy tín, được chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo cấp.

3. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (TOEIC, IELTS, TOEFL, Cambridge Tests), do các tổ chức đánh giá nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp, đáp ứng mức tối thiểu được quy định tại điểm a hoặc điểm b của khoản 3, Điều 2 nêu trên.

4. Sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam do các trường đại học của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp, đáp ứng mức tối thiểu được quy định tại điểm a hoặc điểm b của khoản 3, Điều 2 nêu trên.

5. Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng khác ngoài tiếng Anh do các tổ chức đánh giá nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận cấp, đáp ứng mức tối thiểu được quy định tại điểm a hoặc điểm b của khoản 3, Điều 2 nêu trên.

Điều 4. Khen thưởng, kỷ luật

1. Các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các nội dung tại Quy chế này, góp phần nâng cao trình độ ngoại ngữ của sinh viên, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra sẽ được Nhà trường khen thưởng theo các quy định hiện hành.

2. Sinh viên sử dụng các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận bất hợp pháp, tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học (nếu đang trong quá trình học tập); hủy kết quả xét công nhận tốt nghiệp và thu hồi văn bằng chứng chỉ (nếu đã tốt nghiệp). Trường hợp đặc biệt, ngoài các hình thức xử lý nêu trên, còn bị xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định này đến cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp, các đơn vị đề xuất với Nhà trường (qua phòng Đào tạo) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS Nguyễn Hoàng Long

Phụ lục 1: Bảng tham chiếu quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	PTE
B2	5.0-5.5	600	480-527	173-197	61-71	60 -79 FCE 80 - 100 PET	Level 4
B1	4.0-4.5	450	450-477	126-53	42-53	45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET	Level 3

Phụ lục 2: Bảng tham chiếu quy đổi chứng chỉ một số ngoại ngữ khác tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B2	TRKI 2	DELF B2 TCF niveau 4	B2 test DaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3
B1	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

(Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường sẽ xem xét cụ thể về việc quy đổi tương đương).